

TỔNG CÔNG TY CÔNG TRÌNH VIETTEL (Upcom: CTR)
Báo Cáo Phân Tích 2020
ĐÁNH GIÁ

Giá mục tiêu	67.300 VND
Giá hiện tại	48.900 VND
Upside	37.62%

Dữ liệu giao dịch

Sàn giao dịch	CTR
Giá cao/thấp nhất 52 tuần	27.000 – 55.000
Vốn hóa thị trường (tỷ VND)	2.986
SLCP đang lưu hành (triệu cp)	60.69
KLGDBQ 20 ngày (cổ phiếu)	280,561
Room nước ngoài (%)	49%
Phân Ngành	Xây lắp – Dịch vụ hỗ trợ viễn thông

Một số chỉ tiêu chính

	2019A	2020E	2021E
Doanh thu (tỷ VND)	5.053	6.086	7.725
LN gộp (tỷ VND)	293	342	491
EBIT (tỷ VND)	192	278	418
LN ròng (VND)	181	208	295
Tăng trưởng LNR (%)	23.1%	14.7%	42.2%
EPS (VND)	2.980	3.132	4.116
BVPS (VND)	14,517	14,648	16,990
Tỷ suất cổ tức (%)	26,05	16,0%	16,0%
ROE (%)	20.5%	19.7%	24.2%
ROA (%)	7.3%	6.3%	6.7%

% Tăng/Giảm kể từ đầu năm

Cơ cấu cổ đông

Tập đoàn Viễn thông Quân đội	73,22%
Cổ đông khác	26,78%

Mua
MỤC TIÊU TRỞ THÀNH TOWERCO SỐ 1 TRONG KHU VỰC

1. Tổng Công ty CP Công trình Viettel (CTR) là một phần không thể thiếu trong hệ sinh thái Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội. Sau 25 phát triển và chuyển đổi định hướng hoạt động, CTR hiện nay đang hoạt động kinh doanh với 4 trụ cột chính: Vận Hành Khai Thác, Xây dựng, Đầu tư hạ tầng cho thuê và Giải pháp Tích hợp.

2. Kế hoạch kinh doanh năm 2020, CTR đặt chỉ tiêu Tổng doanh thu hợp nhất 6.000 tỷ đồng, Lợi nhuận sau thuế 199 tỷ. Chúng tôi ước tính trong năm 2020

- Doanh thu đạt 6.086 tỷ đồng (+20.43% Yoy)
- Lợi nhuận sau thuế đạt 208 tỷ đồng (+14.76% Yoy)

3. Mặc dù đang chiếm tỷ trọng nhỏ trong năm 2019 & quý 1/2020, chúng tôi cho rằng mảng Đầu tư hạ tầng cho thuê sẽ là mảng kinh doanh tăng trưởng doanh thu nhanh nhất của CTR với CAGR trong giai đoạn 2021- 2025 đạt 22.5% (Giai đoạn 2019 – 2020 là giai đoạn bắt đầu đầu tư, triển khai các trạm BTS, Smallcell) nhờ (1)*Xu thế dùng chung trạm BTS của các nhà mạng;* (2) *Thiết bị 5G dần trở nên phổ biến đòi hỏi cần phủ sóng nhiều trạm Smallcell, IBS tại các khu vực để đảm bảo nhu cầu kết nối trong tương lai* (3) *Viettel là chủ sở hữu các trạm BTS lớn nhất tại Việt Nam.*

4. Đối với mảng vận hành khai thác, hiện nay CTR mới chỉ thực hiện dịch vụ vận hành khai thác từ năm 2017. Ước tính trong 2020, CTR sẽ vẫn ghi nhận đủ doanh thu trong hợp đồng bất chấp ảnh hưởng do Covid 19 bởi trong quý 1/2020 CTR vẫn đạt 796 tỷ doanh thu (23.55% Giá trị HĐ) từ mảng hoạt động này. Trong dài hạn, ước tính tăng trưởng hàng năm với CAGR khoảng 14.8% trong giai đoạn 2020 – 2025 nhờ tiềm năng thị trường Campuchia, Myanmar, Lào, Peru trong các năm tới.

Giá Mục Tiêu

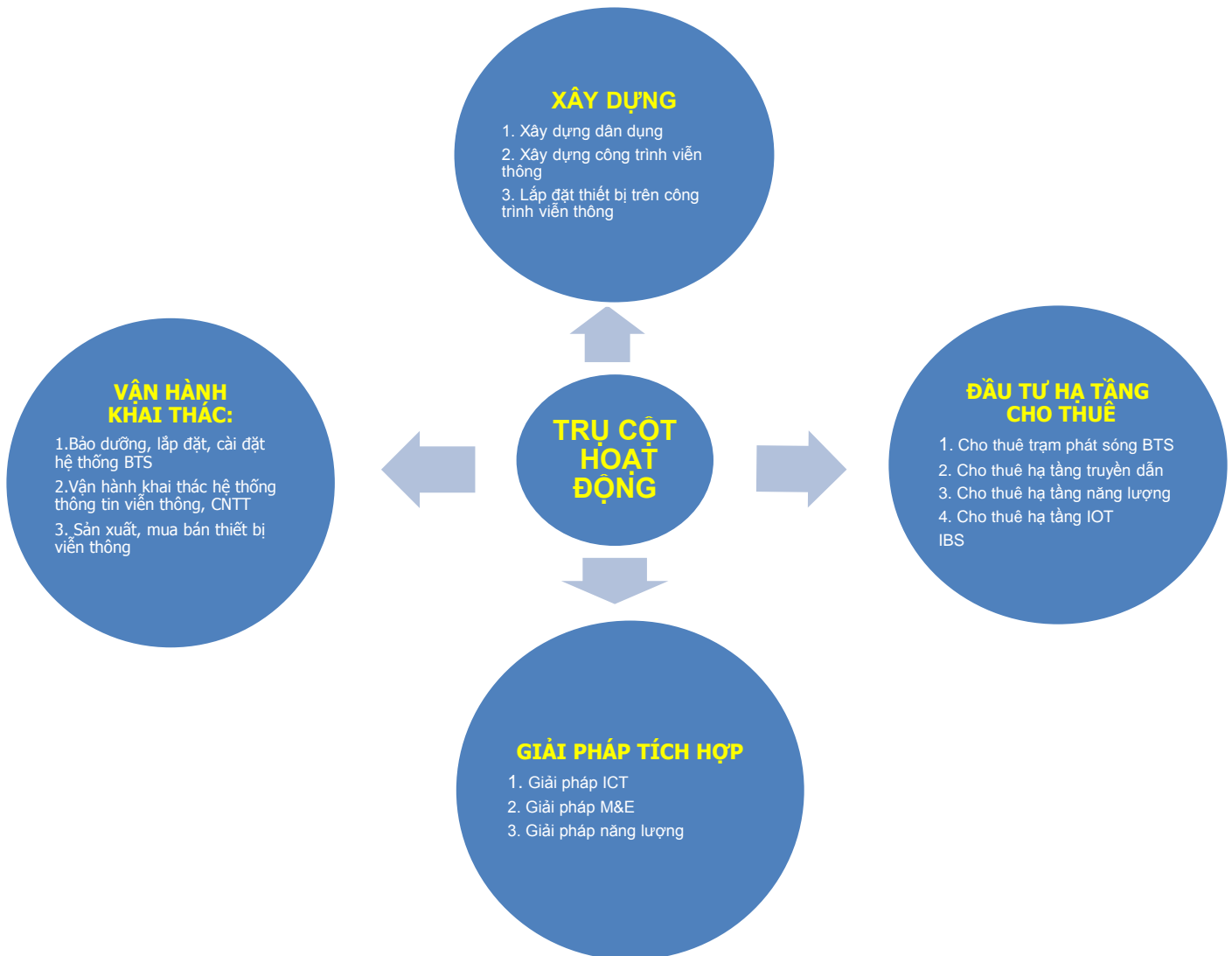
Chúng tôi sử dụng phương pháp định giá so sánh và phương pháp chiết khấu dòng tiền 3 giai đoạn để xác định giá trị hợp lý cho cổ phiếu CTR:

- *Giai đoạn 1: Tăng trưởng nhanh: 2020 - 2025*
- *Giai đoạn 2: Giai đoạn chuyển pha: 2025 - 2030*
- *Giai đoạn 3: Giai đoạn cân bằng: Từ 2030 với tỷ lệ tăng trưởng dài hạn 1%*

Phương pháp	Giá (đồng/cp)
DCF	74,861
EV/EBITDA	59,643
Trung bình	67,252

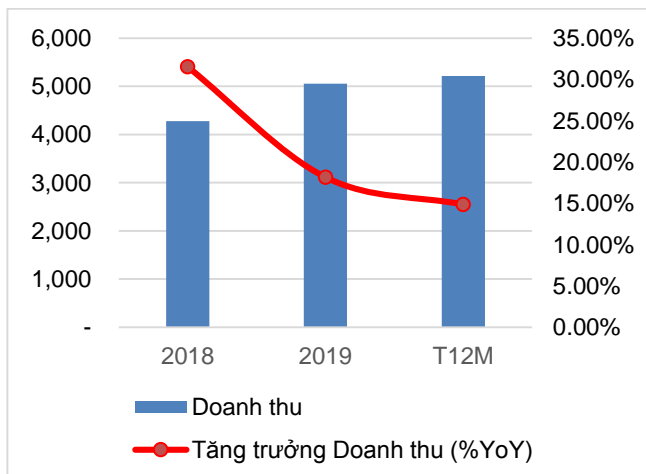
I. Tổng quan doanh nghiệp

Tổng Công ty CP Công trình Viettel (CTR) là một phần không thể thiếu trong hệ sinh thái Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội. Sau 25 phát triển và chuyển đổi định hướng hoạt động, CTR hiện nay đang hoạt động kinh doanh với 4 trụ cột chính: Vận Hành Khai Thác, Xây dựng, Đầu tư hạ tầng cho thuê và Giải pháp Tích hợp.

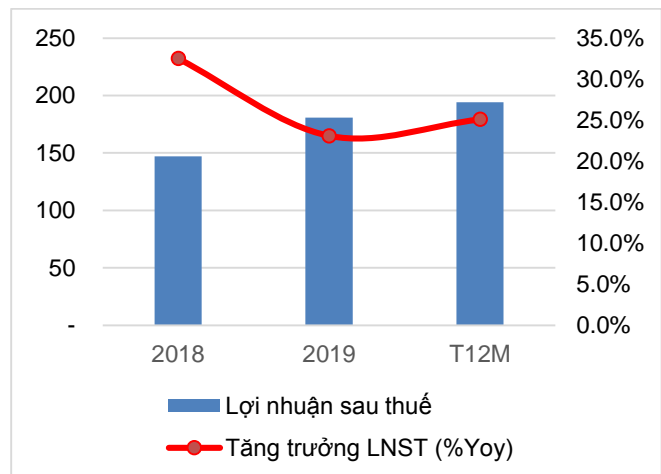


II. Tình hình hoạt động

Doanh Thu (Tỷ đồng)



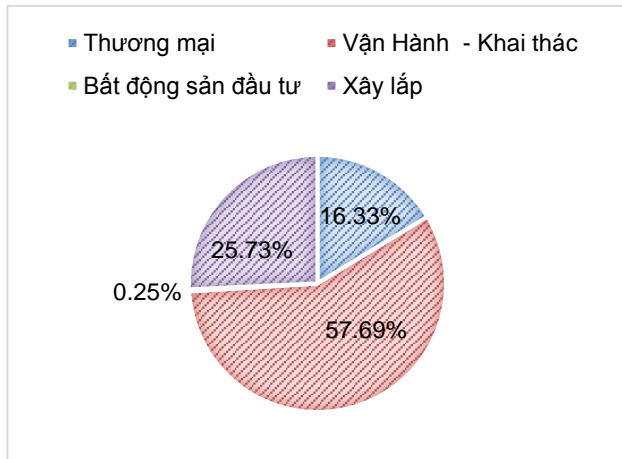
Lợi nhuận sau thuế (Tỷ đồng)



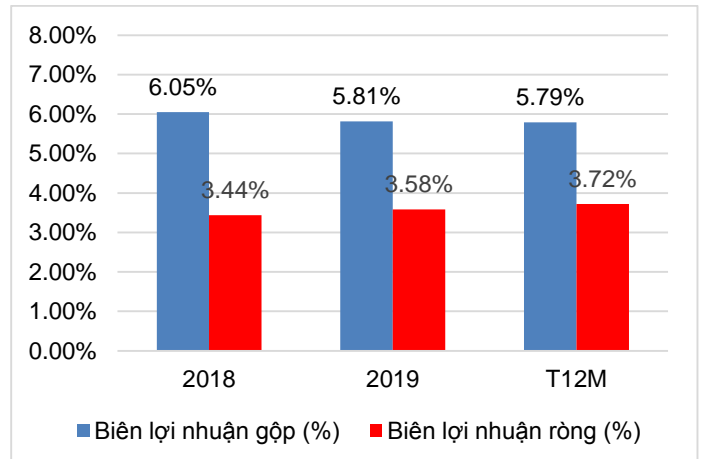
Trong quý 1 vừa qua, CTR Tổng CTCP Công trình Viettel (Mã CK: CTR) công bố báo cáo tài chính quý 1/2020 với doanh thu thuần đạt 1.380 tỷ đồng, tăng trưởng 14% so với cùng kỳ năm trước và là quý có doanh thu cao nhất lịch sử công ty.

Hiện CTR đang phân phối, lắp đặt một số thiết bị điện lạnh, mạng và các thiết bị smarthome góp phần đẩy doanh thu thương mại lên 225,4 tỷ đồng. Trong khi đó, mảng vận hành khai thác nhà trạm và ứng cứu thông tin đạt doanh thu 766,3 tỷ đồng, tăng 33,5 tỷ đồng; Mảng xây lắp đạt doanh thu 355,2 tỷ đồng, tăng gần 21 tỷ đồng; Mảng BĐS đầu tư đạt doanh thu 3,4 tỷ đồng, tăng mạnh so với con số 91 triệu đồng cùng kỳ năm trước.

% Tỷ trọng các mảng hoạt động



Biên lợi nhuận (%)



III. Các mảng hoạt động kinh doanh

III.1 Hoạt động xây lắp:

Chúng tôi ước tính mảng doanh thu này trong năm 2020 tăng trưởng chậm 5% trong năm 2020 dựa trên: (1) Khối lượng Backlog xây dựng các công trình viễn thông trạm phát sóng, hạ tầng lưới phục vụ VTNET giá trị hơn 500 tỷ từ đầu năm (2) Nhu cầu xây dựng các công trình dân dụng trong năm nay tăng trưởng chậm do thị trường bất động sản gặp nhiều khó khăn.

III.2 Hoạt động đầu tư hạ tầng cho thuê: Hoạt động này bao gồm việc đầu tư các trạm BTS, hạ tầng cống ngầm, hạ tầng năng lượng cho thuê, IBS,...

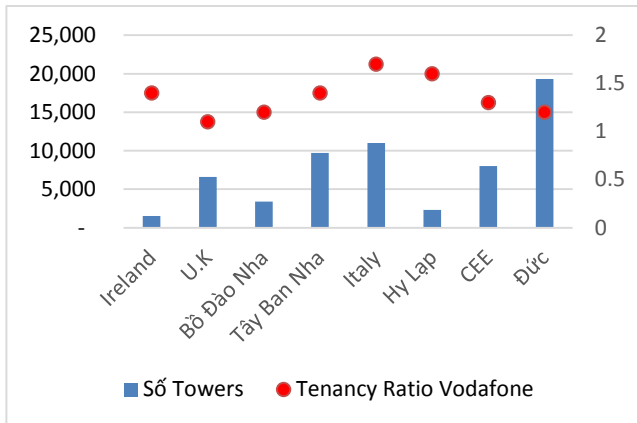
Mặc dù đang chiếm tỷ trọng nhỏ trong năm 2019 & quý 1/2020, chúng tôi cho rằng mảng Đầu tư hạ tầng cho thuê sẽ là mảng kinh doanh tăng trưởng doanh thu nhanh nhất của CTR với CAGR trong giai đoạn 2021- 2025 đạt 22.5% (Giai đoạn 2019 – 2020 là giai đoạn bắt đầu đầu tư, triển khai các trạm BTS, Smallcell) nhờ:

(1) Xu thế dùng chung trạm BTS của các nhà mạng

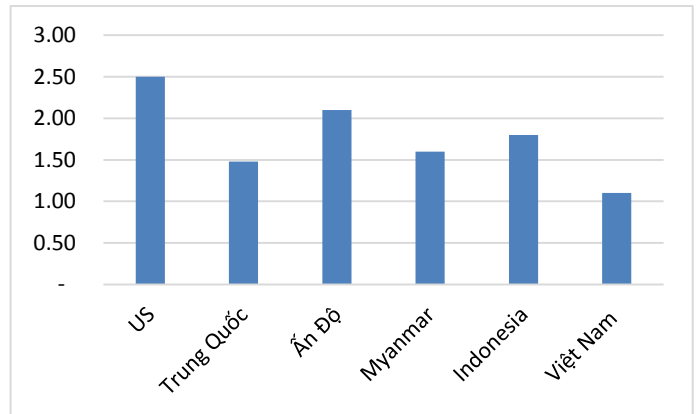
Chỉ thị 52/CT-BTTTT năm 2019 của Bộ Thông tin & Truyền thông về việc tăng cường chia sẻ, sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động giữa các doanh nghiệp viễn thông. Theo đó, các doanh nghiệp viễn thông phải triển khai việc chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên cơ sở quy định của pháp luật có liên quan. Các nhà mạng cũng phải xây dựng kế hoạch phát triển cột anten, cống, bể cáp, cột treo cáp và nhà trạm viễn thông của doanh nghiệp theo từng tỉnh/ thành phố.

Có thể thấy hệ số nhà mạng dùng chung (Tenancy ratio) của Việt Nam so với các quốc gia trong khu vực và cả trên thế giới đều khá thấp khi mà Việt Nam đang có 5 nhà mạng di động, trong đó 3 nhà mạng Mobifone, Viettel và Vinafone chiếm hơn 95% thị phần (thuê bao).

Màng khai thác Towerco của Vodafone



Tenancy Ratio Các Quốc Gia Châu Á

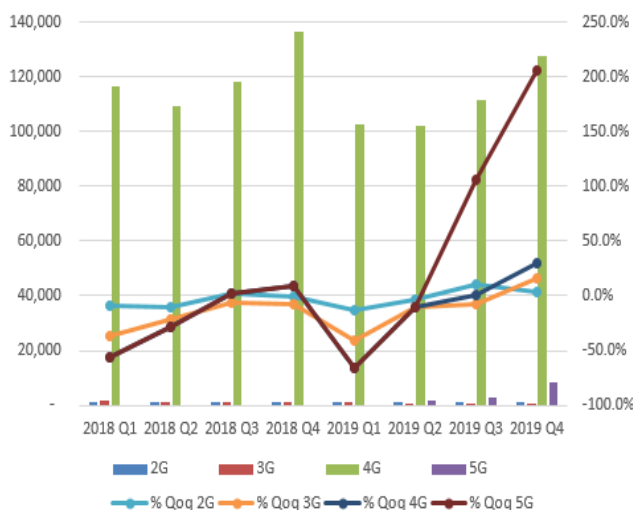


Nguồn: TowerExchange, Vodafone, PSI tổng hợp

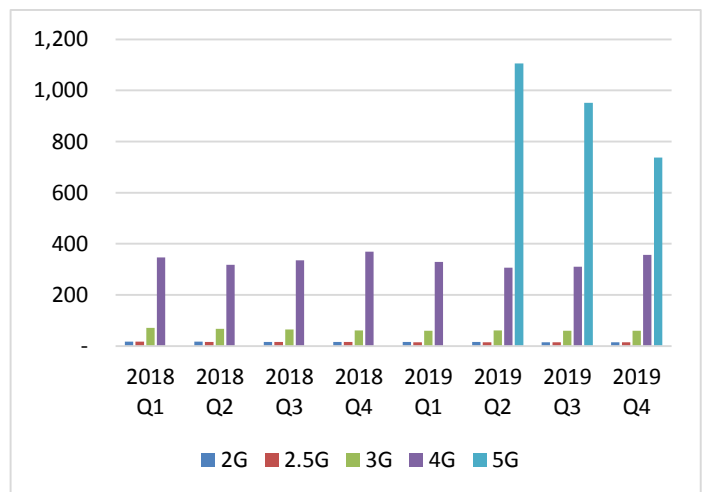
(2) Thiết bị 5G dần trở nên phổ biến đòi hỏi cần phủ sóng nhiều trạm Smallcell, IBS tại các khu vực để đảm bảo nhu cầu kết nối trong tương lai

Theo số liệu của IDC, Mặc dù tổng giá trị giao dịch của các thiết bị di động 5G vẫn đang chiếm % thị phần khá nhỏ so với các thiết bị di động 4G, tuy nhiên trong các quý gần đây tổng giá trị giao dịch của các thiết bị 5G tăng mạnh với tốc độ tăng hơn 200% Qoq trong Q4/2019 nhờ nỗ lực của các chính phủ thúc đẩy phát triển 5G tại Trung Quốc, Mỹ cũng như giá thành thiết bị 5G đang giảm dần giúp tiếp cận gần hơn với khả năng mua của người dân.

Tổng giá trị giao dịch thiết bị di động (Triệu USD)



Giá bán TB 1 thiết bị di động (USD)



Nguồn: IDC, PSI tổng hợp

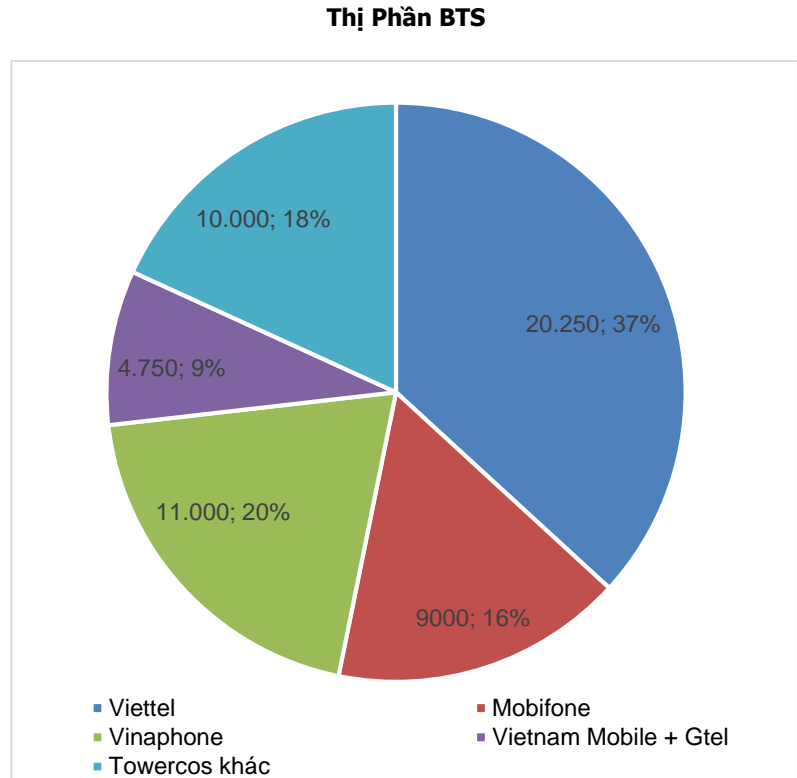
Tại Việt Nam, dịch vụ 5G cũng mới trong quá trình thử nghiệm ở một số thành phố lớn như Hà Nội, TP.HCM, Hải Phòng... Tuy nhiên, dự kiến lộ trình phải đến năm 2025 mới triển khai rộng khắp 5G trên toàn quốc do cần đầu tư xây dựng hạ tầng, đầu giá tần số, thử nghiệm....

5G là chuẩn kết nối không dây đầu tiên khai thác những ưu điểm của băng tần sóng ngắn milimet. Với đặc thù sóng ngắn, nó rất lý tưởng để truyền tải dữ liệu nhưng đồng thời gặp hạn chế lớn là dễ bị nhiễu trước các chướng ngại như bờ tường, mây mù, thời tiết ... và độ bao phủ thấp. Khi 5G được phổ biến, nhà mạng có thể phải sử dụng công nghệ chuyển đổi chùm thích ứng hoặc gia tăng thêm các trạm Small Cell, Micro Cell để đảm bảo phủ sóng di động.

(3) Viettel là chủ sở hữu các trạm BTS lớn nhất tại Việt Nam

Với diện tích lớn, địa hình đa dạng cũng như sự cạnh tranh giữa các nhà mạng thời gian trước đây, Việt Nam có số lượng trạm BTS khá lớn với tổng số 55.000 trạm BTS, trong đó Viettel là chủ sở hữu các trạm BTS lớn nhất tại Việt Nam với số lượng 20.250 trạm, chiếm 37% thị phần tại Việt Nam.

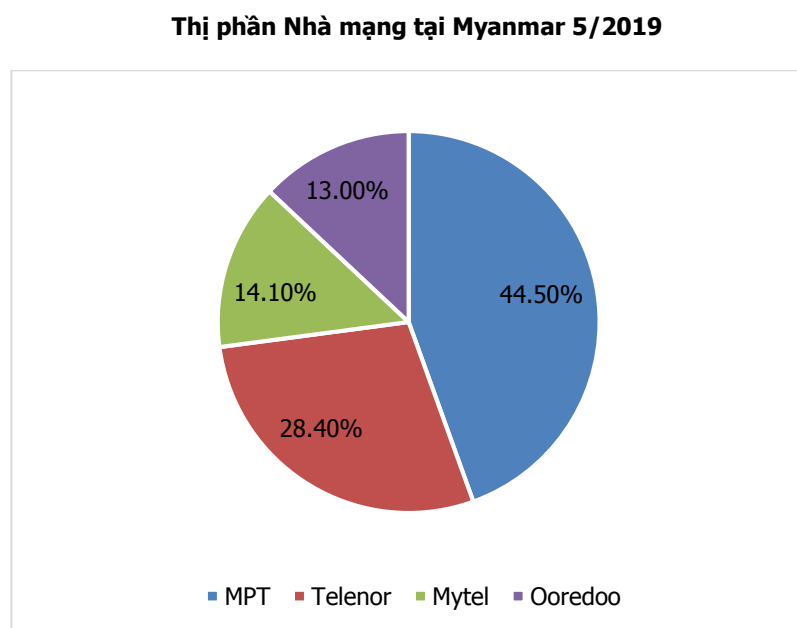
Hiện tại Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội (Viettel) vẫn sở hữu 73,22% cổ phần CTR cùng với định hướng phát triển thành chủ đầu tư hạ tầng cho thuê của CTR, Chúng tôi kỳ vọng bên cạnh việc đầu tư mới, CTR sẽ được mua lại hạ tầng các trạm từ Viettel trong thời gian tới.



Nguồn: TowerXchange, Frost & Sullivan

III.3 Hoạt động vận hành khai thác

Đối với mảng vận hành khai thác, hiện nay CTR mới chỉ thực hiện dịch vụ vận hành khai thác từ năm 2017 cho Viettel với tổng giá trị 2 hợp đồng DV VHKT và ứng cứu thông tin, Cung cấp DVQL đường dây thuê bao và phát triển mới KH cố định bằng rộng là 3.380,14 tỷ trong năm 2020. Ước tính trong 2020, CTR sẽ vẫn ghi nhận đủ doanh thu trong hợp đồng bất chấp ảnh hưởng do Covid 19 bởi trong quý I/2020 CTR vẫn đạt 796 tỷ doanh thu (23.55% Giá trị HĐ) từ mảng hoạt động này.



Nguồn: Viettel Telecom

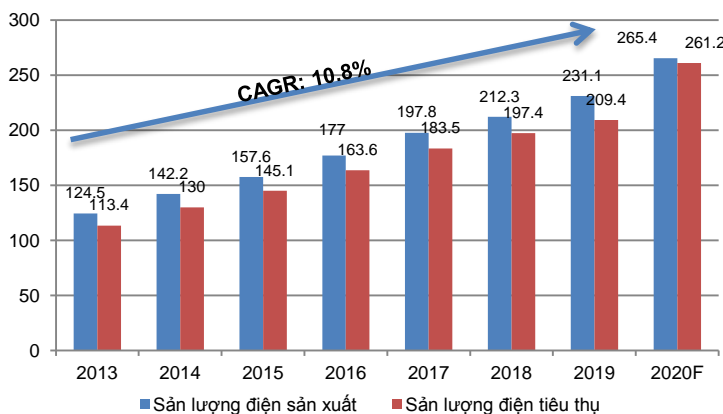
Trong dài hạn, mặc dù CTR dự kiến xức VHKT thêm 2-3 nhà mạng/Towerco/nhà cung cấp dịch vụ trong nước nhưng chúng tôi cho rằng dư địa tăng trưởng doanh thu nội địa khá hạn chế bởi áp lực cạnh tranh khá gay gắt. Ước tính triển vọng mảng hoạt động này sẽ tăng trưởng hàng năm với CAGR khoảng 14.8% trong giai đoạn 2020 – 2025 nhờ tiềm năng thị trường Campuchia, Myanmar, Lào, Peru trong các năm tới. Cụ thể, trong năm 2020, CTR đã bắt đầu tiếp nhận vận hành khai thác cho Viettel tại thị trường Myanmar, dự kiến vận hành khai thác tối thiểu 85% lớp mạng truy nhập của Mytel tại thị trường Myanmar.

III.4 Hoạt động Giải pháp tích hợp:

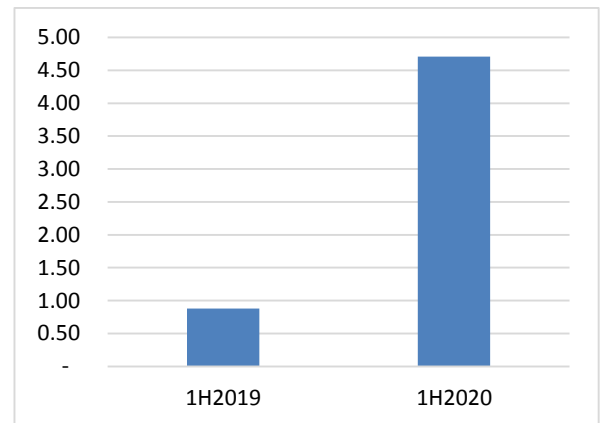
Là mảng hoạt động mới được đưa vào kinh doanh của CTR bao gồm: Cung cấp các dịch vụ giải pháp tích hợp, dịch vụ năng lượng, cơ điện. Trong đó tại thời điểm hiện tại, GPTH của CTR hiện tập trung vào mảng năng lượng mặt trời, đây là xu hướng mới của các hộ dân cũng như doanh nghiệp trong bối cảnh nhu cầu điện liên tục tăng cao trong thời gian gần đây.

Trong tháng 6, CTR đã triển khai giai đoạn 1 cung cấp, lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời công suất 04 mWp tại khu công nghiệp Hải Sơn, Ấp Bình Tiên 1, Đức Hòa Hạ, Đức Hòa, Long An. Tổng diện tích lắp đặt ước tính lên tới 24.000 m2. VCC sẽ điều động 80-100 nhân sự thi công lắp đặt. Giai đoạn 2 dự kiến sẽ được triển khai vào cuối 2020, có khối lượng 08 mWp.

Sản lượng điện sản xuất và tiêu thụ hàng năm của Việt Nam (tỷ kWh)



Sản lượng điện mặt trời huy động 6 tháng đầu năm 2020 (tỷ kWh)



Nguồn: EVN, PSI tổng hợp

CTR đặt kế hoạch năm 2020 với doanh thu mảng này đạt 333 tỷ, tuy nhiên chúng tôi thận trọng ước tính CTR hoàn thành 90% kế hoạch doanh thu mảng này do tác động của Covid -19 tới tình hình tài chính của doanh nghiệp, cá nhân làm giảm nhu cầu cung cấp, lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời trong 6 tháng đầu năm 2020.

IV Dự phóng KQKD 2020 & Giá Mục Tiêu

Kế hoạch kinh doanh năm 2020, CTR đặt chỉ tiêu Tổng doanh thu hợp nhất 6.000 tỷ đồng, Lợi nhuận sau thuế 199 tỷ. Trên cơ sở đánh giá các yếu tố trên, chúng tôi ước tính:

- Doanh thu của CTR 2020 đạt 6.086 tỷ đồng (+20.43% Yoy)
- Lợi nhuận sau thuế 2020 đạt 207 tỷ đồng (+14.76% Yoy)

Giá Mục Tiêu: Chúng tôi sử dụng 2 phương pháp định giá để xác định giá mục tiêu:

PP Chiết khấu dòng tiền: Mô hình 3 giai đoạn

- *Giai đoạn 1: Tăng trưởng nhanh: 2020 - 2025*
- *Giai đoạn 2: Giai đoạn chuyển pha: 2025 - 2030*
- *Giai đoạn 3: Giai đoạn cân bằng: Từ 2030 với tỷ lệ tăng trưởng dài hạn 1%*

Năm Tài Chính	2020F	2021F	2022F	2023F	2024F	2025F	2026F	2027F	2028F	2029F
Tổng doanh thu	6,086,288	7,725,713	9,292,639	10,657,147	12,109,240	13,201,201	13,953,593	14,725,535	15,679,330	16,737,736
EBITDA	278,464	418,663	604,853	751,721	885,494	998,107	1,086,407	1,168,051	1,258,872	1,352,502
EBIT	220,427	336,744	436,838	511,140	588,433	639,989	660,895	674,407	696,695	721,441
Thuế TNDN	20.0%	20.0%	20.0%	20.0%	20.0%	20.0%	20.0%	20.0%	20.0%	20.0%
NOPAT	176,342	269,395	349,470	408,912	470,747	511,991	528,716	539,525	557,356	577,153
+ Khấu hao	29,861	81,919	168,014	240,581	297,060	358,119	425,512	493,644	562,177	631,060
- Thay đổi vốn lưu động	275,812	237,131	224,805	348,501	450,369	336,046	148,211	345,242	191,732	212,892
- Mua sắm TSCĐ HH	(212,281)	(827,257)	(892,926)	(556,571)	(571,092)	(648,018)	(697,680)	(662,649)	(705,570)	(669,509)
- Mua sắm TSCĐ VH	(1,577)	(1,672)	(1,772)	(1,879)	(1,991)	(2,111)	(2,237)	(2,372)	(2,514)	(2,665)
FCFF (trước điều chỉnh)	296,332	(240,484)	(152,409)	439,543	645,092	556,027	402,522	713,390	603,181	748,931
% growth		(181.2%)	(36.6%)	(388.4%)	46.8%	(13.8%)	(27.6%)	77.2%	(15.4%)	24.2%
WACC	15.72%	15.72%	15.72%	15.72%	15.72%	12.03%	12.03%	12.03%	12.03%	12.03%
Hệ số Chiết khấu	1.00	0.86	0.75	0.65	0.56	0.43	0.38	0.34	0.31	0.27
Giá trị hiện tại FCFF	296,332	(207,816)	(113,814)	283,649	359,745	239,174	154,547	244,484	184,512	204,489

PP So sánh: So sánh các doanh nghiệp cùng ngành theo PP EV/EBITDA: Định hướng của CTR trong thời gian tới là Chủ đầu tư "Towerco" lớn nhất Việt Nam, do đó chúng tôi so sánh với các doanh nghiệp Towerco tại Mỹ có điều chỉnh hệ số giữa 2 thị trường.

Mã CP	EV/TTM EBITDA	Hệ số điều chỉnh giữa thị trường Mỹ & Việt Nam
AMT US Equity	21.51	1.58
CCI US Equity	23.26	
SBAC US Equity	27.49	
Trung bình	20.17	

Nguồn: Bloomberg

EV/TTM EBITDA Trung bình	15.2
TTM EBITDA	192,754
Giá trị doanh nghiệp	2,935,644
Nợ ròng	(684,594)
Giá trị vốn cổ phần	3,620,239
Số lượng cp đang lưu hành (triệu cp)	60.70
Giá trị 1 cp	59,643

Giá Mục tiêu:

Phương pháp	Giá trị hợp lý	Tỷ trọng
DCF	74,861	50%
EV/EBITDA	59,643	50%
Giá mục tiêu	67,252	
Giá mục tiêu làm tròn	67,300	

Báo cáo tài chính

Kết quả kinh doanh (tỷ đồng)	2019	2020E	2021E
Doanh thu thuần	5,053	6,086	7,725
Giá vốn hàng bán	4,759	5,744	7,234
Lợi nhuận gộp	293	342	491
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	35
Chi phí tài chính	2	2	16
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	0	0	0
Chi phí bán hàng & quản lý doanh nghiệp	102	122	154
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	192	220	336
Lợi nhuận khác			
Lợi nhuận trước thuế	229	260	370
Lợi nhuận sau thuế	181	208	296
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	181	208	296

Bảng cân đối kế toán	2019	2020E	2021E
Tài sản ngắn hạn	2,136	2,794	3,389
I. Tiền & tương đương tiền	809	1,239	1,508
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	907	666	846
IV. Hàng tồn kho	371	478	602
V. Tài sản ngắn hạn khác	48	35	35
Tài sản dài hạn	312	492	1,221
I. Các khoản Phải thu dài hạn	0	0	0
II. Tài sản cố định	274	443	1,190
IV. Tài sản dở dang dài hạn	3	5	4
V. Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0
VI. Tài sản dài hạn khác	35	35	35
Tổng tài sản	2,448	3,286	4,610
Nợ phải trả	1,566	1,655	2,081
I. Nợ ngắn hạn	1,566	1,655	2,081
1. Các khoản phải trả ngắn hạn	1,566	1,640	2,081
2. Vay & nợ thuê tài chính ngắn hạn	0	15	19
II. Nợ dài hạn	0	145	742
1. Các khoản phải trả dài hạn	0	0	0
2. Vay & nợ thuê tài chính dài hạn	0	145	742
Vốn chủ sở hữu	811	1,052	1,220
1. Vốn điều lệ	606	718	718
2. Thặng dư vốn cổ phần	0	28	28
3. Các khoản lợi nhuận chưa phân phối	235	281	449
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	1	1	1
5. Nguồn vốn khác	49	49	49
Tổng nguồn vốn	881	1,052	1,220

Chỉ số chính	2019	2020E	2021E
Khả năng sinh lời			
Biên lợi nhuận gộp	5.8%	5.6%	6.3%
Biên EBITDA	3.8%	4.6%	5.4%
Biên lợi nhuận trước thuế	4.5%	4.3%	4.8%
ROE	20.5%	19.7%	24.2%
ROA	4.5%	4.3%	4.8%
Tăng trưởng			
Doanh thu	18.2%	20.4%	26.9%
Lợi nhuận gộp	13.5%	16.7%	25.2%
Lợi nhuận sau thuế (của cổ đông công ty mẹ)	23.1%	14.7%	42.2%
Tổng tài sản	6%	33%	40%
VCSH	14%	19%	16%
Thanh khoản			
Thanh toán hiện hành	1,4	1,4	1,3
Thanh toán nhanh	0,9	0,9	0,9
Nợ/tài sản	0%	0.1%	0.2%
Nợ/vốn chủ sở hữu	0%	0.1%	0.4%
Khả năng thanh toán lãi vay	N/a	196.4	22.9
Định giá			
Cổ tức	26.05%	16,0%	16,0%
EPS (VND)	2,980	4,116	4,739
BVPS (VND)	14,517	14,648	16,990

Cashflow Statement	2019	2020E	2021E
CFO	677	541	614
CFI	-239	- 213	-828
CFF	-53	102	483



THÔNG TIN LIÊN HỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Tòa nhà Hanoitourist, số 18 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

ĐT: + 84 4 3934 3888 - Fax: +84 3934 3999

Website: www.psi.vn

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Lầu 1, tòa nhà PVFCCo, số 43 Mạc Đĩnh Chi,
Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-8) 3914 6789
Fax: (84-8) 3914 6969

Chi nhánh TP. Vũng Tàu

Tầng 5, tòa nhà Silver Sea, số 47 Ba Cu, Tp.
Vũng Tàu
Điện thoại: (84-64) 254520/22/23/24/26
Fax: (84-64) 625 4521

Chi nhánh TP. Đà Nẵng

Tầng 3, tòa nhà số 53 Lê Hồng Phong,
Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Điện thoại: (84-511) 389 9338
Fax: (84-511) 389 9339

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

Đào Hồng Dương

Giám đốc Trung tâm Phân Tích
Email: duongdh@psi.vn

Lê Đức Khánh

Phó Giám đốc Trung tâm Phân Tích
Email: khanhld@psi.vn

Đỗ Trung Thành

Phó Phòng PTDN
Email: thanhd@psi.vn

Lê Thị Hà Giang

Bộ phận truyền thông
Email: gianglh@psi.vn

Vũ Huyền Hà My

Bộ phận truyền thông
Email: myvvh@psi.vn

Ngô Hồng Đức

Chuyên viên phân tích
Email: ducnh@psi.vn

Đông Khau Tú

Chuyên viên phân tích
Email: tudk@psi.vn

Nguyễn Hoàng Minh Hương

Chuyên viên phân tích
Email: huongnhm@psi.vn

Phạm Hoàng

Chuyên viên phân tích
Email: phamhoang@psi.vn

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Các thông tin và nhận định trong báo cáo này được PSI đưa ra dựa trên những nguồn tin mà PSI coi là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Tuy nhiên, PSI không đảm bảo tính đầy đủ và chính xác tuyệt đối của các thông tin này.

Báo cáo được đưa ra dựa trên các quan điểm của cá nhân chuyên viên phân tích, không nhằm mục đích chào bán, lôi kéo nhà đầu tư mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng báo cáo này như một nguồn tham khảo cho quyết định đầu tư của mình và PSI sẽ không chịu bất cứ trách nhiệm nào trước nhà đầu tư cũng như đối tượng được nhắc đến trong báo cáo này về những tổn thất có thể xảy ra khi đầu tư hoặc thông tin sai lệch về đối tượng được nhắc đến trong báo cáo này.